

Bản án số: 113/2024/HS-ST

Ngày 22 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lù Văn Lả

Ông Cà Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phùng Cẩm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2024/HSST ngày 01 tháng 4 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thanh H** (tên gọi khác: Không có) - Sinh năm: 1971; Nơi sinh: Tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKTT và chỗ ở trước ngày bị bắt: xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M và bà Bùi Thị Đ; bị cáo có vợ là Trần Thị T và 02 người con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/HSST ngày 12/12/2002 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 16 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản và 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 22 tháng tù, buộc bị cáo phải trả lại cho ông Phạm Đình Thả 40.000 đồng; bị cáo phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo kháng cáo, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 32/2003/HSPT ngày 17/02/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 16 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản và 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 22 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng. Ngày 07/7/2003 bị cáo đã thi hành xong 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 50.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm; Ông Phạm Đình Thả không yêu cầu bị cáo phải trả cho ông Thả 40.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2005/HSST ngày 06/5/2005 của Tòa án

nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt bị cáo 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chuyển 22 tháng tù cho hưởng án treo của Bản án phúc thẩm số 32/2003/HSPT ngày 17/02/2003 của Tòa án tỉnh Điện Biên thành 22 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 08 năm 10 tháng tù, bị cáo phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 21/7/2010 bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù, ngày 27/7/2005 bị cáo đã nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tính đến ngày 05/01/2024 bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/01/2024, sau đó bị tạm giam cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 07 giờ 05 phút, ngày 05/01/2024, khi Trần Thanh H đang đứng ở bụi tre thuộc khu vực bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên thì bị Tổ công tác Công an xã Thanh Xương phối hợp với Công an xã Thanh An, huyện Đ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại lòng bàn tay phải Huy đang cầm 01 chiếc bơm kim tiêm, bên trong chứa 0,11 gam Heroine. Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là do khoảng 06 giờ ngày 05/01/2024, bị cáo đi bộ từ nhà ở xã P, huyện Đ đến bản X, xã T, huyện Đ, mục đích tìm mua ma túy để sử dụng. Tại đường đi thuộc bản Xôm, Huy gặp và mua được của một người phụ nữ dân tộc Thái khoảng 40 tuổi (không biết tên, địa chỉ) 01 cục Heroine, với giá 50.000 đồng. Mua xong, Huy cho cục Heroine vào trong chiếc bơm kim tiêm Huy mang theo rồi cầm ở tay phải thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 198/KL-KTHS ngày 10/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: Vật chứng thu giữ của Trần Thanh H có khối lượng 0,11 gam các cục, bột màu trắng là chất ma túy: Loại Heroine. Hoàn lại đối tượng giám định 0,05 gam.

Tại Bản cáo trạng số: 58/CT-VKSHĐB ngày 01/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo **Trần Thanh H** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 0,05 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 (một) chiếc bơm kim tiêm.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: Hồi 07 giờ 05 phút ngày 05/01/2024, tại khu vực bản X, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, Trần Thanh H đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 0,11 gam Heroine, mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ ... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội lớn, không những xâm phạm những quy định của Nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Đ. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về nhân thân: Bị cáo đã bị Tòa án xét xử về tội Cường đoạt tài sản, tội trộm cắp tài sản và tội Mua bán trái phép chất ma túy (như đã nêu ở trên) mặc dù tính đến ngày 05/01/2024 bị cáo đương nhiên được xóa án tích nhưng là người có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự, bị cáo làm ruộng, thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo có một ngôi nhà cấp IV ngoài ra không có tài sản có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, **người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.**

[9] Các vấn đề khác: Bị cáo khai mua ma túy của người phụ nữ không biết tên, địa chỉ nên không có cơ sở giải quyết trong vụ án.

[10] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,05 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định) do là vật Nhà nước cấm tàng trữ; 01 (một) chiếc bơm kim tiêm do là vật không có giá trị.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thanh H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh H 01 (một) năm 04 (bốn) **tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 05/01/2024).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,05 gam Heroine (là vật chứng còn lại sau giám định); 01 (một) chiếc bơm kim tiêm.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/4/2024 giữa cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/4/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện DB;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ- CAHĐB;
- CA huyện DB;
- Nhà Tạm giữ Công an huyện DB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện DB;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng